

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI NEWWAY NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Căn cứ Điều lệ Công ty CP vận tải Newway ban hành ngày 06/05/2021.

Hội đồng quản trị Công ty CP vận tải Newway trình tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 thông qua bản báo cáo của Hội đồng Quản trị (HĐQT) về việc đánh giá hoạt động quản lý kinh doanh ở Công ty trong năm 2025, kế hoạch 2026, cụ thể như sau:

I. Tình hình nhân sự Hội đồng quản trị năm 2025:

Tại Đại hội cổ đông thường niên 2025, Đại hội đã bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030 gồm 05 thành viên:

- Ông Nguyễn Thủy: Chủ tịch HĐQT
- Bà Lê Quỳnh Trang: Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Đức Học: Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Thu Hà: Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Việt Hưng: Thành viên HĐQT

Trong 05 thành viên HĐQT có 03 thành viên kiêm nhiệm chức danh quản lý của Công ty và 02 thành viên HĐQT không điều hành. Các thành viên HĐQT đều được phân công, phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO CHỈ ĐẠO SXKD NĂM 2025

2.1 Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD chính theo nghị Quyết của ĐHČĐ:
Dvt: Trđ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHČĐ 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH2025	Tỷ lệ TH/TH2024
1	Doanh thu và thu nhập khác	Trđ	166,882	168,685	101%	103%
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	7.245,1	11.058,6	153%	78%

- Hiệu quả (KH+LN) thực hiện đạt 47,583 trđ tương ứng 113% so kế hoạch 2025; bằng 111% so với cùng kỳ 2024.

2.2 Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty.



Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã hoạt động theo nguyên tắc tập thể, thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 09 cuộc họp giao ban công tác hoạt động SXKD với tỷ lệ tham gia các thành viên HĐQT đạt 100%. Các cuộc họp trưng triển khai các nhiệm vụ theo nghị quyết ĐHCĐ giao, đồng thời định hướng các cần đề lớn, vấn đề khó về đầu tư, thanh lý phương tiện, cơ chế thu nhập cho người lao động và chỉ đạo công tác điều hành và quản trị Công ty .vv. Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban kiểm soát và Ban giám đốc tham gia dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh. Kết quả cụ thể như sau:

- HĐQT đã có quyết định đúng đắn về chiến lược phát triển của Công ty, phù hợp với xu thế phát triển xanh và theo chủ trương của UBND Thành phố. Đã trình ĐHCĐ thông qua dự án đầu tư 18 xe buýt điện cho tuyến 47 cũng như việc đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng hệ thống trạm biến áp, trụ sạc sẵn sàng phục vụ lộ trình chuyển đổi phương tiện sử dụng năng lượng xanh của Công ty. Đồng thời mở ra cơ hội ngành nghề kinh doanh mới như: kinh doanh dịch vụ trạm sạc xe ô tô điện, liên kết mở trạm dịch vụ bảo hành, BDSC xe ô tô điện .vv.

- Ngoài ra trong năm 2025 HĐQT đã phê duyệt chủ trương để Công ty triển khai thực hiện 2 dự án là đầu tư 05 xe for 16 chỗ và đầu tư 05 xe xe 34 chỗ đưa vào hoạt động hiệu quả giúp Công ty nâng cao năng lực cạnh tranh đoàn phương tiện.

- Luôn quan tâm chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách nhà nước và không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho CBNV và người lao động...vv. Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện nhiều đợt điều chỉnh thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2025 đã tăng 14% so năm 2024.

- Hoạt động của Ban kiểm soát đã giúp Công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Năm 2025 theo Nghị Quyết đại hội Công ty đã thực hiện chi cổ tức 7% tương ứng giá trị 5.950.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Vốn nhà nước trong năm được bảo toàn và tăng so với năm 2024.

- Thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị: Thực hiện theo đúng nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

2.4 Đánh giá Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

a) Một số kết quả đạt được chính

- Hoàn thành tốt các mục tiêu và nhiệm vụ HĐQT, Tổng công ty và ĐHCĐ đề ra trong năm 2025.

- Duy trì ổn định và cải thiện thu nhập cho CBNV, người lao động (thu nhập

binh quân/người/năm 2025 tăng 14% so năm 2024).

- Công tác kiểm soát rủi được kiểm soát tốt; Tài chính minh bạch, dòng tiền ổn định; Các dự án đầu tư đều mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

- Vốn cổ đông, vốn của nhà nước được bảo toàn và phát triển.

- Đảm bảo duy trì tốt năng lực phục vụ để Công ty tiếp tục được tin nhiệm giao nhiệm vụ vận chuyển các sự kiện chính trị lớn của Trung ương và Hà nội, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao hình ảnh thương hiệu cho Công ty.

b) Những tồn tại hạn chế.

- Cán bộ quản lý, điều hành còn hạn chế về nhận thức, phương pháp làm việc chưa khoa học dẫn đến chưa theo kịp yêu cầu mới.

- Công tác quản trị điều hành của CBNV các phòng ban, người lao động chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng đội ngũ. Kết quả SXKD mặc dù có tăng trưởng so với các năm nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của Công ty.

2.5 Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	03/03/2025	Triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
2	01/2025/NQ-HĐQT	24/04/2025	Bầu chủ tịch HĐQT	100%
3	323/QĐ-HĐQT	16/05/2025	Phê duyệt chủ trương và nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án “Đầu tư mua sắm phương tiện kinh doanh hợp đồng đợt 1 năm 2025”	100%
4	02/2025/NQ-HĐQT-NWT	11/7/2025	Điều động và bổ nhiệm cán bộ	100%
5	03/2025/NQ-HĐQT-NWT	06/08/2025	Thông qua việc vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	100%
6	04/2025/NQ-HĐQT-NWT	22/08/2025	Triển khai thực hiện chi trả cổ tức 2024	100%
7	05/2025/NQ-HĐQT-NWT	30/10/2025	Phê duyệt chỉ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty cổ phần vận tải Newway	100%
8	865/QĐ-HĐQT-NWT	18/11/2025	Phê duyệt chủ trương nhượng bán thanh lý 5 xe ô tô cũ là tài sản của Công ty	100%
9	06/2025/NQ-HĐQT-NWT	26/12/2025	Thông qua ban hành Quy định về Lựa chọn nhà thầu trong thực hiện dự án đầu tư của Công ty cổ phần Vận tải Newway	100%



III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2026

3.1 Về chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 và dự báo về tình hình thị trường, các yếu tố diễn biến về chi phí đầu vào phục vụ SXKD kỳ kế hoạch 2026. Đồng thời, dựa vào chiến lược kinh doanh, nguồn lực phương tiện, nhân lực và cơ sở vật chất hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 theo một số

chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	DVT	Năm 2026
1	Doanh thu và thu nhập khác	Trđ	175.301,7
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	8.871,1
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	7.097
4	Hiệu quả	Trđ	41.453

3.2 Công tác đầu tư, thanh lý tài sản năm 2026:

- Về công tác đầu tư: Dự kiến năm 2026 Công ty đầu tư đổi mới phương tiện kinh doanh nhằm tiếp tục cải thiện chất lượng đoàn phương tiện xe kinh doanh hợp đồng, du lịch nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng và hiệu quả SXKD cho Công ty. Căn cứ tình hình thị trường năm 2026, Công ty sẽ báo cáo Hội đồng quản trị thông qua chủ trương thực hiện đối với từng dự án theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.


- Về hoạt động thanh lý: Công ty tiếp tục thanh lý, nhượng bán một số phương tiện có tuổi đời cao, kinh doanh kém hiệu quả. Trình tự thủ tục thanh lý, nhượng bán thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.3 Về định hướng kinh doanh 2026

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận như trên, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng chỉ tiết phương án và các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Giải pháp công tác kiện toàn bộ máy và cơ cấu lại lực lượng lao động.
- Giải pháp đổi mới quản trị gắn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.
- Giải pháp về đổi mới cơ chế chính sách đối với người lao động.
- Nhóm giải pháp về thị trường vận tải hợp đồng và vận tải buýt:
- Giải pháp về đổi mới đoàn phương tiện.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần vận tải Newway trong năm 2025 và kế hoạch 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.


CHỦ TỊCH
 Nguyễn Thủy

Số: 359/BC-BGD

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025 GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. Những thuận lợi và khó khăn

1.1. Thuận lợi cơ bản

Công ty nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Ban Lãnh đạo Tổng công ty và Hội đồng Quản trị. Nội bộ đoàn kết, tư tưởng cán bộ nhân viên (CBNV) ổn định, hướng tới mục tiêu phát triển chung.

Hoạt động kinh doanh vận tải hợp đồng giữ vững đà tăng trưởng ổn định; năm 2025, khai thác hiệu quả nhu cầu từ các sự kiện lớn của Trung ương và Thành phố Hà Nội đã giúp Công ty gia tăng doanh thu và khẳng định vị thế thương hiệu trong phân khúc vận tải hợp đồng phục vụ chính trị và sự kiện;

Mảng hoạt động vận tải Buýt duy trì được sự ổn định, giúp khẳng định năng lực vận hành của Công ty. Việc chuyển đổi thành công phương tiện điện tuyến số 47 và trúng thầu các tuyến 48, 94 là những tiền đề quan trọng để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tạo cơ sở để từng bước cải thiện hiệu quả khai thác trong thời gian tới.

Đoàn phương tiện xe kinh doanh và xe buýt tiếp tục được đầu tư đổi mới, với cơ cấu chủng loại hợp lý, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị thương hiệu của Công ty.

1.2. Khó khăn chủ yếu

Trong năm 2025, hoạt động SXKD của Công ty chịu tác động đa chiều từ thị trường và những thay đổi về chính sách, cụ thể:

- **Về vận tải hợp đồng:** Mảng vận tải hợp đồng tiếp tục đối mặt với áp lực cạnh tranh gay gắt về giá từ các doanh nghiệp khác nhằm tranh giành thị phần. Trong khi đơn giá cước chưa thể điều chỉnh tăng, chi phí đầu vào – đặc biệt là chi phí nhân công trực tiếp – lại tăng mạnh, gây ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận.

Riêng phân khúc khai thác xe cuối tuần cho khối cơ quan nhà nước và doanh nghiệp bị sụt giảm mạnh doanh thu, do tác động từ việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy chính quyền

- **Hoạt động vận tải Buýt:** Tuyến buýt điện thí điểm số 47 hiện vẫn đang áp dụng đơn giá xe CNG, chưa phản ánh đúng định mức thực tế của phương tiện điện, dẫn đến hiệu quả kinh tế đạt thấp.

Các tuyến 48, 94 sau khi vận hành theo hợp đồng mới từ tháng 4/2025 có tỷ lệ doanh thu vé lượt và vé tháng chưa đạt kỳ vọng. Bên cạnh đó, tình trạng ùn tắc giao thông cùng ảnh hưởng từ bão lụt năm 2025 đã gây khó khăn cho việc duy trì

biểu đồ chạy xe, dẫn đến tình trạng bỏ lượt, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dịch vụ và doanh thu.

- Về công tác quản trị và ổn định nguồn nhân lực:

Năm 2025 ghi nhận sự cạnh tranh khốc liệt trong việc thu hút và duy trì đội ngũ lái xe giữa các doanh nghiệp vận tải. Các đơn vị có tiềm lực tài chính mạnh liên tục đẩy mạnh các chính sách thu nhập cao để lôi kéo nhân sự, gây áp lực trực tiếp đến công tác ổn định tổ chức của Công ty.

Tình trạng này không chỉ làm gia tăng chi phí nhân công mà còn tác động mạnh đến tâm lý người lao động, tạo ra thách thức lớn trong việc duy trì đội ngũ nhân sự nòng cốt và đảm bảo chất lượng phục vụ ổn định.

II. Kết quả đạt được trong năm 2025

Kết quả chung toàn Công ty thực hiện năm 2025 các chỉ tiêu cơ bản về doanh thu, hiệu quả, lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra. Đó là nhờ có sự nhận định sát tình hình kinh tế, thị trường năm 2025 và sự chủ động trong việc triển khai các giải pháp linh hoạt kịp thời, quyết liệt để tận dụng cơ hội kinh doanh, khắc phục những khó khăn tồn tại để tăng hiệu quả SXKD một cách bền vững.

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản về SXKD năm 2025 cụ thể như sau:

ĐVT: Trđ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
1	Tổng tài sản	153.970,31	204.329,70	132,7%
2	Vốn chủ sở hữu	97.030,06	98.280,31	101,3%
3	Doanh thu và thu nhập khác	164.112,19	168.684,89	102,8%
4	Quỹ lương	46.067,67	49.582,54	107,6%
5	Lợi nhuận trước thuế	14.218,58	11.058,62	77,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	11.347,22	8.451,25	74,5%

- Năm 2025 theo Nghị Quyết đại hội Công ty đã thực hiện chi cổ tức 7% tương ứng giá trị 5.950.000.000 đồng (Năm tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng).

- Vốn nhà nước trong năm được bảo toàn và phát triển.

2.2 Một số kết quả về các mặt công tác khác

- Về công tác đầu tư:

+ Chấp hành chủ trương của Thành phố, Công ty đã hoàn tất đầu tư và đưa vào vận hành **18 xe buýt điện** cho tuyến số 47 từ ngày 17/01/2025.

+ Mở rộng quy mô mảng vận tải hợp đồng với việc đầu tư mới **10 xe** (bao gồm 05 xe Ford 16 chỗ và 05 xe Daewoo 33 chỗ), góp phần trẻ hóa đoàn phương tiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

- **Về tình hình lao động:** Trong bối cảnh nguồn cung lao động thị trường thiếu hụt, Công ty đã nỗ lực tuyển dụng được 54 nhân sự mới. Dù chưa bù đắp hoàn toàn số lượng 68 lao động nghỉ việc, Công ty đã chủ động điều chỉnh cơ chế thu nhập để tăng tính cạnh tranh và giữ chân người lao động.

- **Về đời sống và thu nhập:** Tập trung mọi nguồn lực để cải thiện chế độ đãi ngộ, đặc biệt là đội ngũ công nhân lái xe. Thu nhập bình quân tháng tăng **14%** so với năm 2024. Bên cạnh đó, các chương trình giao lưu, gắn kết được tổ chức thường xuyên nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh.

- **Về quản trị doanh nghiệp:**

Kịp thời sửa đổi, ban hành các văn bản điều hành SXKD phù hợp với bối cảnh phục hồi sản xuất. Xây dựng và trình HĐQT ban hành Quy định về Lựa chọn nhà thầu trong thực hiện dự án đầu tư của Công ty cổ phần Vận tải Newway giúp cho việc triển khai các dự án của Công ty thuận lợi và kịp thời.

Triển khai các quy định quan trọng như: Thường doanh thu cao gắn với chất lượng phục vụ (CLPV) mảng xe Buýt; Thí điểm tiêu chí đánh giá xếp loại nhân sự tuyển buýt điện 47; và Cơ chế thu nhập khuyến khích nâng cao CLPV cho khối lái xe hợp đồng.

- **Công tác đảm bảo an toàn giao thông:** Duy trì nghiêm túc công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ. Công tác bảo dưỡng sửa chữa (BDSC) được thực hiện định kỳ và chất lượng, đảm bảo đoàn phương tiện luôn trong tình trạng vận hành an toàn và tối ưu.

- **Một số hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2026**

- Công ty đã tiên phong trong việc chuyển đổi xe buýt điện loại trung bình theo chủ trương của Thành phố, triển khai đầu tư 18 xe buýt điện thí nghiệm quyết ĐHCĐ năm 2025 và đã đưa vào vận hành đúng tiến độ yêu cầu từ 18/1/2026.

- Công ty đã vinh dự được giao nhiệm vụ phục vụ 03 sự kiện lớn của Đất nước và thành phố Hà Nội, gồm: (1)Nhiệm vụ đưa đón đại biểu tham dự Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng 8 thành công và Quốc khánh 02/9; (2)Nhiệm vụ đưa đón đại biểu tham dự Đại hội XVIII Đảng bộ thành phố Hà Nội; (3)Công ty tiếp tục trúng thầu phục vụ sự kiện đưa đón đại biểu Quốc hội trong các kỳ năm 2025-2026.

- Các hoạt động phục vụ sự kiện của Công ty được Thành ủy, UBND và Tổng Công ty biểu dương và khen thưởng. Đặc biệt năm 2025 Công ty được Tổng công ty trao giấy khen đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- **Đánh giá chung:** Năm 2025, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đời sống vật chất và tinh thần của người lao động được cải thiện rõ rệt, khẳng định sự phát triển ổn định của Công ty.

III. Các chỉ tiêu cơ bản, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026

1. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD 2026.

Đvt: trđ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2026	Ghi chú
1	Doanh thu và thu nhập khác.	Trđ	175.301	
2	Lợi nhuận trước thuế.	Trđ	8.871	
3	Lợi nhuận sau thuế.	Trđ	7.096	
4	Quỹ lương	Trđ	54.021,9	
5	Hiệu quả.	Trđ	41.453	
6	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần.	%	4,05%	
7	Vốn điều lệ.	Trđ	85.000	
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ.	%	8,35%	

❖ Về đầu tư đổi mới đoàn phương tiện:

- **Về công tác đầu tư:** Năm 2026 Công ty lập kế hoạch dự kiến đầu tư đổi mới 10 xe 47 chỗ, 05 xe 29 chỗ nhằm tiếp tục cải thiện chất lượng đoàn phương tiện xe kinh doanh hợp đồng, du lịch nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng và hiệu quả SXKD cho Công ty. Căn cứ tình hình thị trường năm 2026, Công ty sẽ báo cáo Hội đồng quản trị/ĐHCD thông qua chủ trương thực hiện đối với từng dự án theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.
- **Về hoạt động thanh lý tài sản:** Công ty tiếp tục thanh lý, nhượng bán một số phương tiện có tuổi đời cao, kinh doanh kém hiệu quả. Trình tự thủ tục thanh lý, nhượng bán thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Một số biện pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2026

2.1 Giải pháp về phát triển ngành nghề kinh doanh mới

Trên cơ sở tối ưu hóa nguồn lực về hạ tầng, nhân sự và nắm bắt xu hướng tiêu dùng mới, Công ty từng bước triển khai các ngành nghề, sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa cơ cấu kinh doanh. Mục tiêu trọng tâm là đảm bảo tỷ trọng doanh thu từ lĩnh vực mới tăng bình quân **10%/năm**, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu toàn Công ty đạt từ **5% - 6%** mỗi năm và phần đầu cao hơn.

Trong năm 2026 Công ty dự kiến sẽ triển khai 2 lĩnh vực kinh doanh mới:

(i) Kinh doanh hạ tầng trạm sạc: Khai thác hiệu quả hệ thống trạm sạc hiện hữu và nghiên cứu đầu tư mở rộng quy mô để cung cấp dịch vụ sạc cho xe ô tô điện bên ngoài.

(ii) **Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng (BDSC) xe điện:** Liên kết thiết lập trạm dịch vụ chuyên biệt cho phân khúc xe buýt điện, xe khách và xe tải điện; đón đầu xu hướng chuyển đổi xanh của thị trường.

2.2. Giải pháp công tác kiện toàn bộ máy và cơ cấu lại lực lượng lao động

Tối ưu hóa định biên: Rà soát và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) phù hợp với năng lực thực tế, đảm bảo tính gọn nhẹ và hiệu quả trong điều hành.

Chuẩn hóa quy trình: Rà soát các quy trình nghiệp vụ, mạnh dạn lược bỏ các khâu trung gian, đẩy mạnh số hóa để nâng cao năng suất lao động.

Đào tạo và phát triển: Xây dựng lộ trình đào tạo bổ sung, chuẩn hóa chức danh và định biên tại các phòng ban và Gara nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao.

2.3 Giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp gắn ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Triển khai áp dụng hợp đồng điện tử và lệnh điện tử cho mảng kinh doanh xe vận tải hợp đồng (trên nền tảng Web, App, Jalo) với những tính năng chủ yếu:

- Thực hiện giao dịch ký với khách hàng trên môi trường điện tử, tạo sự thuận tiện và minh bạch thông tin tới khách hàng; Cung cấp đến khách hàng trải nghiệm mới về CLDV bằng cách cung cấp vị trí xe trực tuyến cho khách hàng; Tự động hóa công tác lấy ý kiến khách hàng thông qua mã QR trên lệnh vận chuyển.

- Tăng cường quản trị và tạo sự thuận tiện cho nhân viên kinh doanh khi giao dịch ký hợp đồng với khách hàng.

- Triển khai việc điểm danh đầu ca và nhận lệnh vận chuyển cho người lái xe nhằm tiếp giảm nhân lực giao nhận, tăng cường tính trách nhiệm của CNLX và thuận lợi hơn trong công tác điều hành.

2.4 Giải pháp về đổi mới cơ chế chính sách đối với người lao động

- Xây dựng và ban hành hệ thống thang bảng lương mới áp dụng đồng bộ cho toàn bộ CBCNV người lao động Công ty.

- Xây dựng lại quy chế thu nhập đối với lái xe kinh doanh theo hướng thị trường và gắn với kết quả thực hiện hợp đồng của người lái xe.

- Tiếp tục rà soát hoàn thiện cơ chế thu nhập của lái xe, nhân viên phục vụ các tuyến buýt cho phù hợp với thực tiễn hiện nay và giai đoạn tiếp theo.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế thu nhập gắn với đánh giá mức độ hoàn thành công việc đối với lao động gián tiếp và trực tiếp khác các phòng ban chuyên môn và thợ BDSC.

- Cập nhật, bổ sung quy chế, quy định nội bộ phù hợp với công tác kiện toàn bộ máy và định biên lao động trong từng thời kỳ.

2.5 Nhóm giải pháp về kinh doanh thị trường vận tải hợp đồng và vận tải buýt:

- Phân đầu khai thác từ 1-2 khách hàng thuê bao mới nhằm tăng tỷ trọng doanh thu ổn định; Tiếp tục phát huy thế mạnh các hợp đồng sự kiện trong năm 2026.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả của các hợp đồng thuê bao, các hợp đồng lữ hành nội địa. Đẩy mạnh khai thác hợp đồng ken ghép giữa giờ và cuối giờ.

- Tiếp tục rà soát về biểu đồ chạy xe, lộ trình tuyến, điểm dừng đỗ các tuyến buýt nhằm thu hút thêm người dân đi xe buýt, tăng hiệu quả khai thác tuyến.

- Về giải pháp Marketing: Công ty sẽ xây dựng theo từng chương trình cụ thể trong năm phù hợp với diễn biến thị trường.

2.6 Giải pháp về đổi mới đoàn phương tiện.

- Đối với mảng vận tải hợp đồng:

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện chi tiết, bao gồm việc thay thế các xe cũ hết niên hạn và đầu tư mới mở rộng quy mô để gia tăng thị phần.

Chủ động nghiên cứu và bám sát các cơ chế, chính sách của Thành phố để xây dựng lộ trình chuyển đổi xe điện phù hợp cho mảng xe hợp đồng, nhằm đón đầu xu hướng tiêu dùng xanh.

- **Đối với hoạt động vận tải Buýt:** Thực hiện lộ trình xe buýt điện: Bám sát lộ trình chuyển đổi phương tiện của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty tập trung nguồn lực để chuẩn bị các điều kiện cần thiết, sẵn sàng thực hiện chuyển đổi toàn bộ đoàn xe buýt hiện hữu sang xe buýt điện theo đúng kế hoạch và mục tiêu phát triển bền vững Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Newway trong năm 2025 và kế hoạch 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trân trọng cảm ơn!


Phạm Đức Học



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2026

Kính thưa các Quý vị cổ đông, thưa toàn thể Đại hội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Newway liên quan đến quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Vận tải Newway đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Căn cứ hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát thực hiện năm 2025;

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát trong năm 2025 và kế hoạch năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra việc tuân thủ Luật pháp, Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các Quyết định của Hội đồng Quản trị và các Quy chế của Công ty.

- Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hàng năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT về kế hoạch hoạt động của Công ty, tham gia một số buổi làm việc của Ban lãnh đạo công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh năm, nắm bắt thông tin kịp thời để đánh giá việc thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT của Ban Giám đốc. BKS giám sát việc ban hành, triển khai và kết quả thực hiện các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông với HĐQT và Ban Giám đốc.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán uy tín.

- Trong nhiệm kỳ, Ban Kiểm soát đã không nhận được ý kiến nào của cổ đông bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các Quyết định của Ban Kiểm soát:



Trong năm qua các thành viên BKS thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau về các hoạt động của Công ty đảm bảo mục tiêu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Ban Kiểm soát đã cử thành viên tham dự hầu hết cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty gồm: giao ban công tác hoạt động SXKD, Công tác tổ chức bộ máy, nhân sự; Cơ chế chính sách cho người lao động: lương thưởng, BHXH, Đầu tư, thanh lý đoàn phương tiện; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm...

- Ban kiểm soát đã có những ý kiến đánh giá với các quyết định của Hội đồng quản trị cụ thể:

- + Nhất trí với chính sách tài chính, đầu tư phát triển, điều hành của Ban điều hành đề ra.
- + Các vấn đề, quyết định quan trọng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành không gây thiệt hại cho các cổ đông.

- Kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán tại Công ty:

- + Công tác hạch toán doanh thu, chi phí được thực hiện đầy đủ, chính xác và phân loại theo từng loại hình kinh doanh một cách rõ ràng.
- + Chứng từ, sổ sách kế toán đầy đủ tính pháp lý, trung thực và rõ ràng.
- + Công tác theo dõi công nợ đầy đủ, kịp thời và không để phát sinh công nợ khó đòi

3. Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2025: Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên gồm:

- Bà Lê Thị Thanh Nhân: Trưởng ban KS
- Bà Lê Thanh Vi: Thành viên BKS
- Ông Nguyễn Duy Cương: Thành viên BKS

Trong 03 thành viên BKS có 02 thành viên kiêm nhiệm chức danh quản lý của Công ty và 01 thành viên BKS không tham gia điều hành. Trong năm 2025 đã thực hiện chi tiền thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng nghị Quyết đại hội cổ đông năm 2025

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát nhất trí với các đánh giá về hoạt động và tài chính trong báo cáo của kiểm toán. Một số thông tin về KQKD và chỉ tiêu tài chính:

Kết quả kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH2025	TH 2025	TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr đồng	166.882	168.685	101%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	7.245	11.059	153%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	5.796	8.451	146%

4	Khấu hao cơ bản	Tr.đồng	35.023	36.525	104%
5	Hiệu quả	Tr.đồng	42.268	47.583	113%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025. Doanh thu bao gồm doanh thu từ hoạt động SXKD và hoạt động khác)

Tình hình tài chính

Đvt: Trđ

STT	Chi tiêu	Ngày 31.12.2025		Ngày 31.12.2024	
		Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
I	Tài sản	204.330	100%	153,970	100%
1	Tài sản ngắn hạn	82.202	40%	92,242	60%
Trong đó: Phải thu ngắn hạn		37.515	18%	39,504	26%
2	Tài sản dài hạn	122.128	60%	61,728	40%
II	Nguồn vốn	204.330	100%	153,970	100%
1	Nợ phải trả	106.049	52%	56,940	37%
1.1	Ngắn hạn	53.459	26%	37,347	24%
1.2	Dài hạn	52.591	26%	19,594	13%
2	Vốn chủ sở hữu	98.280	48%	97,030	63%
2.1	Vốn góp của CSH	85.000	42%	85,000	55%
2.2	Vốn khác	13.280	6%	12,030	8%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025)

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024	TH 2025/2024(%)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSNH/Nợ NH).	Lần	1,54	2.47	62%
Hệ số thanh toán nhanh (=TSNH - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn.	Lần	1,52	2.44	62%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ trên TS: Tổng nợ / tổng tài sản x 100%	%	51,90%	36.98%	140%
Hệ số nợ trên VCSH: Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu.	Lần	1,08	0.59	184%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt				

động				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân.	Lần	1,48	1.03	144%
4.Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần.	%	3,52%	7.21%	49%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp chủ sở hữu.	%	6,3%	13.3%	47%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản.	%	4,14%	7.37%	56%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025)

Qua một số chỉ tiêu tài chính của Công ty có thể thấy:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh của Công ty vẫn luôn duy trì mức tốt (>1) cho thấy Công ty đáp ứng tốt các nhu cầu thanh toán đối với các khoản nợ khi đến hạn.

- Tỷ trọng cơ cấu TS ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2025 (40/60) thay đổi ngược hẳn so với đầu năm (60/40) trong đó Giá trị tài sản dài hạn tăng gần gấp đôi so với năm 2024 do Công ty đã triển khai đầu tư 18 xe buýt điện và hệ thống hạ tầng trụ sạc kèm theo, 05 xe Transit 16chỗ + 05 xe DW 35 chỗ phục vụ vận tải kinh doanh trong năm 2025.

- Hệ số nợ phải trả / vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 là 1,08 lần thấp hơn chỉ tiêu hệ số nợ do nhà nước quy định (*không quá 03 lần*).

- Chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2025 gồm hệ số LN sau thuế/DT đạt 3.52%, LN sau thuế/Tổng tài sản đạt 4,14%, đặc biệt hệ số LN sau thuế/ vốn góp đạt 6,3% đã thể hiện vốn của các cổ đông được bảo toàn và phát triển. Các chỉ tiêu có giảm so với năm 2024 tuy nhiên đánh giá do ảnh hưởng từ nguồn lợi nhuận từ thanh lý xe cũ (2,6tỷđ/6,6tỷđ), nguồn lợi nhuận thu về từ HĐ SXKD vẫn tăng trưởng so với năm 2024 (8,5tỷđ/7,7tỷđ)

=> *Đánh giá: Công ty có tài chính lành mạnh và bền vững, nguồn vốn tài trợ đảm bảo đúng nguyên tắc cân bằng tài chính (tài sản dài hạn được tài trợ từ NV dài hạn). Năm 2025, Công ty đã sử dụng linh hoạt đòn bẩy tài chính để đầu tư phương tiện mở rộng hoạt động SXKD.*

5. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

Dựa trên kết quả giám sát, kiểm tra, Ban Kiểm soát đưa ra những ý kiến như sau:

a. Công tác quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quản lý trên nguyên tắc hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo

nghiêm túc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo và thực hiện giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc theo dõi, nghe báo cáo và kiểm điểm tình hình triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và kế hoạch SXKD của Công ty.

- Ban hành các văn bản mang tính định hướng, chỉ đạo hoạt động của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT.

- Chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD 2025 theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHCĐ.

- Chỉ đạo việc phân chia lợi nhuận năm 2025 theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ.

Trong năm, BKS không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

b. Công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc:

1. Công tác kinh doanh:

- Ban Giám đốc luôn chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của nhà nước liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt các quy định hiện hành liên quan đến kinh doanh vận tải.

- Ban Giám đốc luôn tuân thủ Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, Quyết định của Hội đồng Quản trị.

- Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao: bảo toàn vốn được giao.

- Đảm bảo thu nhập cho người lao động ổn định. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

2. Công tác kế toán:

- Công tác kế toán: lập, ghi chép, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính một cách phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Công tác kiểm toán Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 đã được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM trong tháng 3/2026 và Báo cáo kiểm toán đã được phát hành ngày 18/3/2026.

Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần: Báo cáo Tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



6. Định hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban SXKD, các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình điều hành và thực hiện SXKD của Công ty, tích cực tham gia góp ý kiến vào các vấn đề được nêu trong cuộc họp.

- Kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;

Trên đây là báo cáo BKS năm 2025, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Thay mặt BKS cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của Công ty trong thời gian vừa qua, cảm ơn HĐQT và Ban giám đốc đã hỗ trợ cho BKS thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lê Thị Thanh Nhàn

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

(Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026)

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Newway

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Newway;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026:

I. Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 được kiểm toán năm tài chính 2025:

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM tiến hành kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway công bố công khai theo quy định. Các báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm:

Báo cáo tài chính năm 2025 của đơn vị Kiểm toán độc lập

- 1.1 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- 1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025;
- 1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2025;
- 1.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2025;

Trong đó, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán:

Dvt: VND

Các chỉ tiêu	DVT	Tại ngày 31/12/2025
A. Tổng tài sản	đồng	204.329.802.890
I. Tài sản ngắn hạn	đồng	82.201.814.204
II. Tài sản dài hạn	đồng	122.127.888.686
B. Tổng nguồn vốn	đồng	204.329.702.890
I. Nợ phải trả	đồng	106.049.396.535
II. Vốn chủ sở hữu	đồng	98.280.306.355
1. Vốn góp của chủ sở hữu	đồng	85.000.000.000
4. LN sau thuế chưa phân phối	đồng	12.145.306.355

C. Kết quả kinh doanh		
1. Tổng doanh thu, thu nhập khác	đồng	168.684.885.104
2. Lợi nhuận trước thuế	đồng	11.058.624.626
3. Thuế TNDN năm 2024	đồng	2.607.377.570
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	8.451.247.056

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026
1	Doanh thu và thu nhập khác	Trđ	175.301,7
2	Quỹ Lương (dự kiến)	Trđ	54.021,9
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	8.871,1
4	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	7,097
5	Hiệu quả	Trđ	41.452,9
6	Vốn chủ sở hữu	Trđ	85.000

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy

Số: 362/TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 365/2025/NĐ-CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần vận tải Newway (NWT) được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 06/5/2021 Ban hành theo Nghị Quyết đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần vận tải Newway ngày 6/5/2021;
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

Điều lệ hiện hành của Công ty được ban hành từ tháng 5/2021 đã góp phần tạo nền tảng pháp lý cho hoạt động quản trị và điều hành. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ lần này nhằm cập nhật sửa đổi bổ sung một số nội dung cho phù hợp với luật hiện hành: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và một số thay đổi của Luật Doanh nghiệp số 59 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật

số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15; Các nhu cầu về công tác quản trị giai đoạn mới và yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị, minh bạch.

Do vậy, Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; Tăng cường tính linh hoạt trong điều hành; Phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

Bản Điều lệ được trình bày tại Đại hội (kèm theo Tờ trình này) đã được tiếp thu ý kiến đóng góp của các Cổ đông trên cơ sở của bản dự thảo Điều lệ đã được công bố tại website theo địa chỉ: <https://www.newwayjsc.com.vn>. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

*(Sửa đổi bổ sung theo luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14,
Ban hành theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần
Vận tải Newway ngày 21/4/2026)*

Hà Nội, tháng 4 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	4
Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	5
Điều 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN	6
Điều 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	6
Điều 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	7
Điều 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG	7
Điều 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY	8
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG	8
Điều 8. VỐN ĐIỀU LỆ	8
Điều 9. QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY	9
Điều 10. CÁC LOẠI CỔ PHẦN	9
Điều 11. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC	10
Điều 13. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	10
Điều 14. THỪA KẾ CỔ PHẦN	11
Điều 15. THU HỒI CỔ PHẦN	11
Điều 16. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	12
Điều 17. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU	12
Điều 18. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG	12
Điều 19. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY	13
Điều 20. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI	13
Điều 21. TRẢ CỔ TỨC	14
Điều 22. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC	14
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	14
Điều 23. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	14
Mục 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 24. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	15
Điều 25. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	17
Điều 26. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
Điều 27. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
Điều 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
Điều 29. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
Điều 30. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
Điều 31. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	24
Điều 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25
Điều 33. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	25
Điều 34. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	27
Điều 35. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	28

Điều 36. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	29
Điều 37. YÊU CẦU HUỖY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	30
Điều 38. HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	31
Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY	31
Điều 39. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
Điều 40. NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 41. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 42. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 43. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 44. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
Điều 45. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	36
Điều 46. MIỄN NHIỆM, BỎ NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	37
Điều 47. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
Điều 48. GIÁM ĐỐC CÔNG TY	38
Điều 49. TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC	40
Mục 3. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 50. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 51. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 52. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 53. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT	43
Điều 54. TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 55. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	44
Điều 56. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT	45
Điều 57. MIỄN NHIỆM VÀ BỎ NHIỆM BAN KIỂM SOÁT	45
CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	45
Điều 58. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN	45
Điều 59. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	46
Điều 60. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN	47
CHƯƠNG V. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG	48
Điều 61. LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG	48
Điều 62. TIỀN LƯƠNG	48
Điều 63. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	48
CHƯƠNG VI. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	49
Điều 64. NĂM TÀI CHÍNH	49

Điều 65. QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	49
Điều 66. HỆ THỐNG KẾ TOÁN	49
Điều 67. KIỂM TOÁN	49
Điều 68. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	50
Điều 69. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN (CỔ TỨC)	50
Điều 70. XỬ LÝ KINH DOANH KHI THUA LỖ.....	50
CHƯƠNG VII. GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN	50
Điều 71. GIẢI THỂ	50
Điều 72. THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ	51
Điều 73. PHÁ SẢN	51
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC.....	51
Điều 74. CON DẤU	51
Điều 75. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT	51
Điều 76. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	51
Điều 77. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	52
Điều 78. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	52
Điều 79. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	53

Các căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 365/2025/NĐ-CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- Điều lệ này được Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 2026.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tải Newway.

CHƯƠNG I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ Công ty có quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- a) *Công ty*: Là Công ty Cổ phần Vận tải Newway.
- b) *Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*: Là Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Newway
- c) *Vốn điều lệ*: Là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, và được quy định tại Điều 8 Điều lệ này.
- d) *Luật Doanh nghiệp*: Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- đ) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- e) *Pháp luật*: Là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước được quy định tại Luật ban hành các văn bản pháp luật (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng).
- f) *Cổ đông*: Là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty.
- g) *Người điều hành của Công ty*: Là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- h) *Người quản lý của Công ty*: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- i) *Người có liên quan*: Là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- j) *Các đơn vị trực thuộc Công ty*: Văn phòng đại diện, Chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp.
- k) *Người có quan hệ gia đình bao gồm*: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

Điều 2. TÊN GỌI, TRỤ SỞ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên gọi

- Tên gọi tiếng Việt đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY.**
- Tên gọi tiếng nước ngoài - Tiếng Anh: **NEWWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên gọi tắt: **NWT JSC**

- Hình ảnh nhận diện thương hiệu: sử dụng 2 hình ảnh thương hiệu:

Newway



- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Kim Ngưu II, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3.565.4898
- Fax: (024) 3.565.1997
- Email: info@newwayjsc.com.vn
- Website: newwayjsc.com.vn

2. Phạm vi hoạt động

Công ty Cổ phần Vận tải Newway hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam và có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

Điều 3. HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

1. Hình thức tổ chức

Công ty Cổ phần Vận tải Newway được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải du lịch Hà Nội – Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội.

Sau khi thực hiện việc cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Vận tải Newway thuộc hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty có vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần, cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.

Công ty có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của pháp luật.

2. Tư cách pháp nhân

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

1. Mục tiêu hoạt động

a) Không ngừng nâng cao lợi ích của Nhà nước, của Công ty, các cổ đông và người lao động.

- b) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- c) Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và cả nước.

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và được quy định trong hồ sơ đăng ký của Công ty nộp tại cơ quan có thẩm quyền theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Các ngành nghề kinh doanh chính của công ty là:

STT	NGÀNH NGHỀ CHÍNH	MÃ NGÀNH
1	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành.	49210
2	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	49312
3	Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt).	49319
4	Vận tải hành khách đường bộ khác.	
5	Vận tải hành khách đường bộ chưa được phân vào đâu.	49329
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	52290
7	Quảng cáo.	73100
8	Đại lý lữ hành.	79110
9	Điều hành Tầu du lịch.	79120
10	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác.	45200

Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc tạm ngừng, rút hoặc mở rộng các ngành nghề kinh doanh được công ty thực hiện theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Thời hạn hoạt động của Công ty do Đại hội cổ đông quyết định, thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là 01 (một) người và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

Điều 7. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 8. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều lệ của Công ty được góp bằng tiền Việt Nam hoặc tài sản hiện vật khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và được hạch toán theo đơn vị tiền tệ thống nhất là Việt Nam đồng (VND).

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 85.000.000.000 VND, tương đương với 8.500.000 cổ phần, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, trong đó:

STT	Danh mục cổ phần	Tỷ lệ năm giữ	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (đồng)
1	Cổ phần Nhà nước nắm giữ	94,31%	8.016.000	80.161.000.000
2	Cổ phần sở hữu của các cổ đông khác	5,69%	484.000	4.840.000.000
	Cộng	100,00	8.500.000	85.000.000.000

2. Sử dụng vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho cổ đông trái quy định.

3. Điều chỉnh vốn Điều lệ: Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) căn cứ theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY

1. UBND Thành phố Hà Nội chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty.
2. Tổng Công ty Vận tải Hà Nội - Đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Người đại diện chủ sở hữu quản lý vốn Nhà nước tại Công ty phải được ghi rõ tỷ lệ % và giá trị phần vốn Nhà nước tham gia quản lý.

Điều 10. CÁC LOẠI CỔ PHẦN

1. Tất cả các loại cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

Điều 11. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty (bộ phận Quản lý Nhân sự) hoặc hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu trữ sổ cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc các tổ chức khác.

3. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Công ty và/hoặc công ty chứng khoán nơi cổ đông lưu ký để Công ty/công ty chứng khoán tiến hành việc điều chỉnh thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc Danh sách người sở hữu chứng khoán. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho cổ đông do địa chỉ của cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hay gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập

hợp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Điều 12. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu sẽ không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty và cổ đông sở hữu cổ phần.

4. Trường hợp chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị được cấp lại phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy.

b) Chịu trách nhiệm từ những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 13. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Các loại cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ những trường hợp Điều lệ Công ty và pháp luật quy định khác. Cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp cổ phiếu không còn giao dịch/niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán việc chuyển nhượng cổ phần thực hiện theo quy định do Công ty ban hành.

2. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty. Việc chuyển nhượng các cổ phần nêu trên tuân

theo các trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký cổ phần, cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần không qua hệ thống giao dịch chứng khoán hoặc các giao dịch không mang tính chất mua bán, sau khi có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền thực hiện hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

4. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

5. Những cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ (nếu có) sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán cho đến khi thanh toán đầy đủ cho Công ty.

Điều 14. THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho cơ quan có chức năng đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện khi đã hoàn thành đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông.

3. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản kế thừa là cổ phần, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc kế thừa hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 15. THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cho vay công bố cao nhất của các Ngân hàng tại Việt Nam cho kỳ hạn 01 (một) năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo

Điều 16. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Hình thức phát hành và chào bán tuân theo quy định tại Luật Chứng khoán và các nghị định hướng dẫn thi hành Luật này.

2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành (Trừ trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền), nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 17. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Cổ phần, trái phiếu của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phù hợp với quy định của Pháp luật và phải được thanh toán đủ một lần (theo giá thị trường từng thời điểm).

Điều 18. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội cổ đông thông qua Quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá, thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 19. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán.

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để đảm bảo đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty.

Điều 20. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công

ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 21. TRẢ CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;

Cổ tức được chi trả bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản, séc hoặc lệnh trả tiền đến địa chỉ nhận cổ tức do cổ đông đăng ký với Công ty.

2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

Điều 22. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 21 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 23. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.

4. Giám đốc, các Phó giám đốc.
5. Kế toán trưởng.
6. Các phòng, ban nghiệp vụ.
7. Các đơn vị trực thuộc.

Mục 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền, hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Các yêu cầu khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 25. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có quyền và lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
- c) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.
- e) Quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán và quyết định mức cổ tức hàng năm.
- f) Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản, phương án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- h) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán.
- i) Quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm và việc niêm yết Cổ phiếu lên Sàn Giao dịch chứng khoán theo quy định.
- j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty (nếu có).
- l) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể, thanh lý Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản, phương án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty

p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

r. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.

s. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

t. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Hội đồng Quản trị có thẩm quyền phê duyệt.

u. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

v. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

w. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông tổ chức
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- e) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Điều 27. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;



b) Báo cáo tài chính hàng năm; Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này.

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Đại hội cổ đông gây ra.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty do việc trì hoãn triệu tập Ban kiểm soát gây ra.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này đã có yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành Đại hội.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- h) Cung cấp thông tin và phương thức hợp lý để cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử (nếu có) trong trường hợp Công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến.
- i) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4; 5; 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 28. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại và các thông tin khác theo quy định.



3. Cổ đông có quyền kiểm tra và yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc được quy định tại khoản 7 Điều 27 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.
- c) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ tỷ lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 30. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; Tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp.

2. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử thì các tài liệu gửi kèm thông báo mời họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty thay thế cho việc gửi cho các cổ đông. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 31. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông là cá nhân có đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định của pháp luật thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.

4. Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng, nhưng phải thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó cổ đông chuyển nhượng là bên ủy quyền, và cổ đông nhận chuyển nhượng là bên nhận ủy quyền.

6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được pháp luật cho phép

Điều 32. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi ngày), kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này.

Điều 33. THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết và/ hoặc phiếu biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một số người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất hoặc Trưởng ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa giới thiệu một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo sự giới thiệu của chủ tọa.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp. Trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.

Điều 34. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết chấp thuận.

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại; giải thể công ty; đầu tư các dự án hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết chấp thuận.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty hoặc Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

3. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham gia đại diện 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

5. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc

thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định hợp Đại hội cổ đông.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi quyết định đến cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 35. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng cổ đông chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cá nhân của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24h.

7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Các quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Sổ cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục và danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 37. YÊU CẦU HUỖY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ này

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 38. HIỆU LỰC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.

2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện như đúng quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 37 của Điều lệ này, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 39. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

2. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 40. NHIỆM KỶ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Số lượng, thành viên Hội đồng quản trị.

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 người, trong đó 01 (một) Chủ tịch;

b) Nhiệm kỳ của của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 5 (năm) năm;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên hội đồng quản trị.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 41. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

4. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

5. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên tại quá 05 công ty đại chúng.

6. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 42. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần từng loại đã bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng;

f) Quyết định đầu tư hoặc thông qua chủ trương đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định đầu tư dự án, bán tài sản có giá trị trên mức phân cấp của Giám đốc đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

h) Thông qua hợp đồng mua, thuê mua, thuê, cho thuê tài sản cố định, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có giá trị trên mức phân cấp đối với Giám đốc công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm g khoản 4 Điều 48, khoản 1 và khoản 3 Điều 60 của Điều lệ này;

i) Quyết định chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty;

j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ và tương đương; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;

q) Các quyền và nghĩa vụ khác: Hiệu chỉnh thông tin trong Điều lệ công ty phù hợp với thực tế hoạt động; quyết định mở rộng lĩnh vực kinh doanh, quy mô kinh doanh...

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.

3. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu và được biết các báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty, của các đơn vị trong Công ty từ các cá nhân có liên quan (gồm Ban Giám đốc Công ty và người quản lý của Công ty) theo chế độ báo cáo định kỳ thường xuyên tháng.

Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 43. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn khả năng làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 44. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một số người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có);
- b) Theo đề nghị của Giám đốc; hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác;
- c) Theo đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty. Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ đã đăng ký với Công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Phiếu biểu quyết tại điểm d khoản 9 Điều này phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 45. BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu cần thiết), có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 46. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d) Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...;

e) Công ty bị phá sản, giải thể;

f) Cổ đông là tổ chức kết thúc hoạt động hoặc cổ đông đó thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi)

ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 48. GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê người làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 (ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện Giám đốc

a) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

b) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;

d) Các quy định khác theo qui định của Pháp luật.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ và tuân thủ pháp luật;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Quyết định đầu tư các dự án, bán tài sản và ký kết các hợp đồng liên quan đến dự án, hợp đồng bán tài sản có giá trị dưới 1 tỷ đồng; Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản có giá trị từ 1 tỷ đồng đến 3% (Ba phần trăm) tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty sau khi đã báo cáo HĐQT thông qua chủ trương hoặc một giá trị khác cao hơn phân cấp của HĐQT.

e) Quyết định huy động vốn, mua, thuê mua, thuê, cho thuê tài sản cố định, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có giá trị đến dưới 10 tỷ đồng trừ các trường hợp quy định tại Điểm g khoản này và các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.

f) Đề xuất và tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

g) Quyết định, ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty, bao gồm: Hợp đồng giao nhận thầu, hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ VTHKCC bằng xe buýt; Hợp đồng cung cấp dịch vụ vận chuyển khách theo hợp đồng; Hợp đồng cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành. Định kỳ (hàng quý, năm) báo cáo Hội đồng quản trị danh mục và giá trị các hợp đồng đã thực hiện.

h) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định hoặc chấp thuận phương án huy động vốn, đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định, dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

i) Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động; Khen thưởng, kỷ luật và quyết định các mức lương, lợi ích khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ và tương đương;

j) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;

k) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ theo phân công hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị;

l) Ban hành các quy định, quy trình quản lý nội bộ nhằm cụ thể hóa quy chế quản lý nội bộ và phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

m) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

n) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

o) Tuyển dụng lao động;

p) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

q) Được ủy quyền cho Phó Giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt mình để giải quyết một số công việc của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ và phân cấp nội bộ Công ty.

r) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc hợp đồng lao động ký với Công ty (nếu có) và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 49. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo nhiệm vụ đảm nhận, số ngày công làm việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng và các chi phí khác phục vụ cho công tác quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương, các chi phí khác của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của

Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên.

- a) Nhiệm kỳ của kiểm soát viên là không quá 05 (năm) năm;
- b) Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- c) Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội Đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín.

2. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong trường hợp tất cả các kiểm soát viên cùng kết thúc một nhiệm kỳ thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Điều 51. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban Kiểm soát có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây

- a) Đủ từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- c) Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp Đại học trở lên;
- d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

3. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 39 Điều lệ này.

Điều 52. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Ngoài ra Ban kiểm soát còn có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 54. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá chi phí hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 55. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

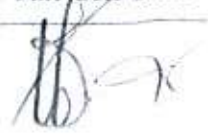
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban



Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 56. CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Điều 57. MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 52 và Điều 55 Điều lệ này;

e) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát thay thế.

CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 58. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc kê khai quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

Công ty phải tạo điều kiện để cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

Điều 59. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty;

c) Người quản lý Công ty phải trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông



hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

đ) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này.

2. Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 60. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 61. LAO ĐỘNG VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể không trái với quy định của Pháp luật hiện hành và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) với người lao động.

Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, Quy định của công ty không trái với quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 62. TIỀN LƯƠNG

Tiền lương, các khoản phụ cấp lương và tiền thưởng đối với người lao động được trả theo hợp đồng lao động trên cơ sở năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 63. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Quyền lợi: Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty.

Người lao động được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động.

2. Nghĩa vụ: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Công ty phù hợp với quy

định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của Pháp luật lao động.

CHƯƠNG VI. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 64. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 65. QUYẾT TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. Hằng năm, sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 4 tháng (bốn tháng) đầu của năm tài chính tiếp theo, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết toán tài chính cả năm và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính cho năm tiếp theo.

2. Thực hiện việc lập và nộp báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 66. HỆ THỐNG KẾ TOÁN

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 67. KIỂM TOÁN

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các

thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 68. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của Công ty.

1. Lợi nhuận ròng được phân bổ và sử dụng, như sau:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp vào các quỹ sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hằng năm của Công ty.

Điều 69. PHÂN CHIA LỢI TỨC CỔ PHẦN (CỔ TỨC)

1. Trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công ty và thực hiện việc quyết toán, báo cáo việc chi trả cổ tức tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3. Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

Điều 70. XỬ LÝ KINH DOANH KHI THUA LỖ

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo theo quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII. GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 71. GIẢI THỂ

1. Công ty Cổ phần Vận tải Newway giải thể trong các trường hợp sau:

a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

2. Công ty Cổ phần Vận tải Newway chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

Điều 72. THANH LÝ TÀI SẢN KHI CÔNG TY GIẢI THỂ

1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể:

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc mà Công ty còn nợ người lao động;

b) Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành;

c) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp;

d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không thể chấp;

e) Phần còn lại chia các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông.

Điều 73. PHÁ SẢN

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 74. CON DẤU

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

a) Tên doanh nghiệp;

b) Mã số doanh nghiệp;

3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 75. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 76. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, các báo cáo đánh giá, giám sát, các báo cáo của đại diện vốn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 77. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Công ty Cổ phần Vận tải Newway có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi tham gia giải quyết các tranh chấp, tham gia tố tụng.

2. Các thành viên trong Công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc chuyển đến tòa án các cấp xét xử theo luật định.

3. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

4. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

5. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Điều 78. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết và thông qua.

Điều 79. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI
NEWWAY**

GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Học

Số: 363/TTr-HDQT

Hà nội, ngày 21 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 365/2025/ND-CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 366/2025/ND-CP về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/ND-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/ND-CP;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần vận tải Newway (NWT) được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 06/5/2021 Ban hành theo Nghị Quyết đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần vận tải Newway ngày 6/5/2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung

Quy chế nội bộ về quản trị công ty trên cơ sở ban dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung trình bày tại Đại hội. Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều lệ sửa đổi và quy định của pháp luật hiện hành.

Bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung trình bày tại Đại hội chi tiết kèm theo Tờ trình này. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 369/NQ-NWT-ĐHĐCD

ngày 21 tháng 4 năm 2026)

Hà Nội, tháng 4 năm 2026



[Handwritten signature]

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ công ty	3
Điều 3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	4
CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	4
Điều 5. Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông	7
Điều 7. Trình tự triệu tập ĐHĐCĐ	7
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ	8
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ	8
Điều 10. Cách thức bỏ phiếu	9
Điều 11. Cách thức kiểm phiếu	10
Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu	10
Điều 13. Phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	10
Điều 14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản	10
Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ	10
Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	12
CHƯƠNG III. HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT	13
Mục 1. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT	13
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT	13
Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	13
Điều 20. Cách thức bầu thành viên HĐQT	13
Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	14
Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	14
Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	14
Mục 2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HĐQT	14
Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp	14
Điều 25. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT	15
Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT	15
Điều 27. Biên bản họp HĐQT	16
Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT	16

CHƯƠNG IV. BKS VÀ THÀNH VIÊN BKS.....	16
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên BKS.....	16
Điều 30. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên BKS của cổ đông, nhóm cổ đông.....	16
Điều 31. Cách thức bầu Thành viên BKS	17
Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS.....	17
Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS.....	17
Điều 34. Cuộc họp của BKS.....	17
CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	17
Điều 35. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người quản lý công ty	17
Điều 36. Việc bổ nhiệm người quản lý công ty.....	18
Điều 37. Ký hợp đồng lao động với người quản lý công ty	19
Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty	19
Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty	19
CHƯƠNG VI. THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC. 20	20
Điều 40. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động	20
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS.....	20
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Giám đốc.....	20
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa BKS với Giám đốc	21
Điều 44. Các trường hợp Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	22
CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	22
Điều 45. Đánh giá hoạt động.....	22
Điều 46. Khen thưởng	23
Điều 47. Kỷ luật	23
CHƯƠNG VIII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	23
Điều 48. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	23
Điều 49. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người phụ trách quản trị Công ty	23
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	24
Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	24
CHƯƠNG IX. CÔNG BỐ THÔNG TIN	24
Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin	24
CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	24
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty	24
Điều 54. Hiệu lực	25

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Newway.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; thẩm quyền, nghĩa vụ và phương thức hoạt động của người quản lý Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ công ty

1. Tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật.
2. Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm với xã hội.
3. Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Minh bạch trong hoạt động của Công ty.

5. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quản lý và kiểm soát công ty hiệu quả.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ

4. Công ty là Công ty Cổ phần Vận tải Newway.

5. HĐQT là Hội đồng quản trị.

6. ĐHĐCĐ là Đại hội đồng cổ đông.

7. BKS là Ban kiểm soát.

8. Đại biểu là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).

9. Người phụ trách quản trị công ty là người được quy định tại Điều 47 của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.



2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, HĐQT, BKS, Giám đốc điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.

HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định song phải đảm bảo cho các cổ đông được triệu tập họp có thể tham dự thuận lợi. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội cổ đông thường niên

a) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

b) Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

c) HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

d) Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

3. Đại hội cổ đông bất thường:

HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực;

d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do

và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Theo yêu cầu của BKS trong trường hợp BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCD, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia ĐHĐCD hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Điều lệ Công ty.

Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCD tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCD trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại khoản 6 Điều 31 của Điều lệ Công ty.

5. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCD thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội (nếu có);

b) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;

d) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có)

f) Kết quả giám sát đối với Giám đốc;

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

h) Các kế hoạch trong tương lai.

6. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCD thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.;

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

d) Kết quả giám sát và đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác;

e) Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;

f) Báo cáo kết quả thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

g) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội cổ đông phải được gửi tới cơ quan chức năng có liên quan, đảm bảo ngày chốt danh sách được các tổ chức đó thông báo đúng với thông tin đã được Công ty công bố.

Điều 7. Trình tự triệu tập ĐHĐCĐ

1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

2. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc được quy định tại khoản 7 Điều 27 của Điều lệ Công ty;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Điều lệ Công ty.

c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị liên quan đến điểm b khoản này theo quy định tại khoản 3 Điều 29 của Điều lệ Công ty.

3. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

a) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ;

Các tài liệu bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp (nếu có);
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện);
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (nếu có);
- e) Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Tùy vào điều kiện cụ thể tại thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ mà Công ty áp dụng các hình thức đăng ký, tham dự và biểu quyết phù hợp. Mọi cách thức áp dụng đều phải được hướng dẫn cụ thể tại Thông báo mời họp để cổ đông lựa chọn và thuận tiện trong việc áp dụng.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp ĐHĐCĐ để xác nhận tư cách Đại biểu.

Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết (gọi tắt là đại biểu) thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của đại biểu đó.

3. Đại biểu đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Điều kiện để xác định cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến tuân theo quy định tại Quy chế tổ chức của mỗi đại hội và được nêu rõ trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu

1. ĐHĐCĐ bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết/ giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Điều 20, Điều 31 Quy chế này và Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

4. Ngoài phương thức bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông (hình thức hội nghị trực tiếp), Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

– Cổ đông tiến hành đăng ký cổ đông trên hệ thống trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo thông tin đăng nhập Công ty cung cấp. Khi cổ đông tiến hành biểu quyết trực tuyến, số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống trực tuyến này.

– Nếu có phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được xem như không biểu quyết đối với những nội dung này.

– Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, và hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu thẻ/phiếu, ghi nhận số thẻ/phiếu thu về so với phát ra và kết quả biểu quyết/bầu cử của từng vấn đề trong Đại hội.

2. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê

3. Đối với đại biểu bỏ phiếu điện tử, hệ thống trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tự động cập nhật và ghi nhận kết quả cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử theo quy định.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty.

Điều 14. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ Công ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản

Biên bản họp (hoặc Biên bản kiểm phiếu) và Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Đồng thời Công ty phải công bố thông tin 24 giờ tới cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán).

Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

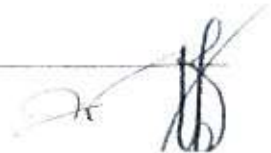
1. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Các bước lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:

a) Chuẩn bị Tài liệu:

HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

– Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;



- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT;

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến bằng văn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này

c) Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 7 Quy chế này

d) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông.

HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

e) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

f) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau:

- Bầu bổ sung hoặc bầu tạm thời nhân sự vào vị trí thành viên HĐQT, BKS khi số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- Xin ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. HĐQT VÀ THÀNH VIÊN HĐQT

Mục 1. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆN VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.

Điều 19. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT. Việc hợp nhóm này phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc ĐHĐCĐ.

Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 23 của Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Trong trường hợp số ứng viên lớn hơn số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phiếu bầu cử do Ban tổ chức ĐHĐCĐ chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Công ty.

Cổ đông/người được ủy quyền nhận phiếu bầu cử, ghi số phiếu bầu cho ứng viên mình lựa chọn. Phiếu bầu hợp lệ là không bị tẩy xóa, gạch sửa, không viết thêm nội dung vào phiếu bầu hoặc bầu nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến), tỷ lệ biểu quyết thông qua thực hiện theo Khoản 2 Điều 34 của Điều lệ Công ty, hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Phương thức bầu cử được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán) theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHCĐ gần nhất.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

a) Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này.

b) Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.

c) Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ Công ty.

Mục 2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HĐQT

Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Thành viên BKS ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo họp HĐQT phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên BKS, Giám đốc như đối với các thành viên HĐQT. Thành viên BKS, Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Thành viên BKS được đăng ký tại Công ty.

Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

Thành viên HĐQT có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập.

4. Các hình thức họp khác

a) Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

b) Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT

1. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp dự họp với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành

viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại khoản 4 điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 60 của Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

6. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

7. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 27. Biên bản họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG IV. BKS VÀ THÀNH VIÊN BKS

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên BKS

1. Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều lệ Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 30. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Thành viên BKS của cổ đông, nhóm cổ đông.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến

dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến 100% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế tương tự việc đề cử thành viên HĐQT. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Cách thức bầu Thành viên BKS

Trong trường hợp số ứng viên lớn hơn số Thành viên BKS cần bầu thì việc bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Thành viên BKS cần bầu thì việc bầu BKS phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến), ý lệ biểu quyết thông qua thực hiện theo Khoản 2 Điều 34 của Điều lệ Công ty hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu, cụ thể theo Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS

Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 57 của Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS.

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán) theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của BKS

1. BKS phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên BKS.

2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Thành viên BKS quan tâm.

CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ/ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 35. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người quản lý/ người điều hành công ty

1. Tiêu chuẩn của người quản lý công ty

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

c) Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;

d) Có năng lực quản trị;

Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ Giám đốc) sẽ do Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc/Phó Giám đốc

Giám đốc/Phó Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

a) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;

c) Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc do HĐQT quyết định.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

a) Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán;

b) Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;

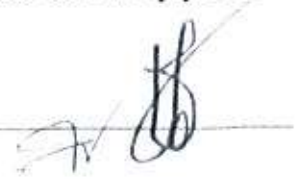
c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 36. Việc bổ nhiệm người quản lý/ người điều hành công ty

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Việc bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp (trừ Giám đốc) gồm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban nghiệp vụ và tương đương do HĐQT phê chuẩn theo đề nghị của Giám đốc.

Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người quản lý/ người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.



Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 37. Ký hợp đồng lao động với người quản lý/ người điều hành công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Giám đốc của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động với Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật hợp đồng lao động và các thoả thuận không trái với quy định của pháp luật.

Giám đốc thực hiện ký hợp đồng lao động với người quản lý/ người điều hành khác sau khi được sự chấp thuận của HĐQT.

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý/ người điều hành công ty

1. Đối với chức vụ Giám đốc:

HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Đối với chức vụ người quản lý/ người điều hành công ty khác: việc miễn nhiệm, bãi nhiệm do HĐQT quyết định theo đề xuất của Giám đốc

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý/ người điều hành công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức người quản lý/ người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán) theo trình tự và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI. THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 40. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp hoạt động

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

3. Các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với BKS

1. Chủ tịch HĐQT phải đảm bảo Trường BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT. Chương trình, nội dung các cuộc họp này phải được gửi đến Trường BKS cùng thời điểm gửi đến thành viên HĐQT.

2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, BKS có quyền yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Khi BKS đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, HĐQT phải phản hồi ý kiến bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

4. Khi BKS kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành Công ty, HĐQT có trách nhiệm phản hồi trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc.

5. HĐQT phải đảm bảo tất cả các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho thành viên HĐQT phải được cung cấp cho thành viên BKS cùng thời điểm.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Giám đốc

1. Phối hợp trong việc triển khai công việc

a) HĐQT khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty để phục vụ công tác của HĐQT. Đối với công tác tổ chức ĐHĐCĐ, HĐQT thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước ngày ĐHĐCĐ.

b) Tại các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tọa cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời thành viên Ban Giám đốc và/hoặc người quản lý khác phụ trách các mảng công việc có liên quan dự họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).

c) Tại các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất hoặc các cuộc họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Giám đốc chủ trì, Chủ tọa cuộc họp căn cứ vào nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch HĐQT và/hoặc thành viên HĐQT dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp được lập thành biên bản và gửi cho Chủ tịch HĐQT một bản để báo cáo.

d) Đối với các vấn đề mà HĐQT phê duyệt theo Tờ trình của Giám đốc, HĐQT phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên cùng thỏa thuận.

e) Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ cho HĐQT (quý/06 tháng/năm) và cho ĐHĐCĐ thường niên hoặc khi được yêu cầu.

f) Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

g) Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận thấy quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý hoặc Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho HĐQT để trực tiếp theo dõi và có biện pháp xử lý.

h) Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc quyết định, tổ chức thực hiện và ký kết các hợp đồng, giao dịch hoặc các công việc khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền được thực hiện thông qua nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản trị, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, hạn mức, điều kiện và thời hạn áp dụng. Giám đốc có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung được phân cấp, ủy quyền và báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện.

2. Phối hợp khác

Chủ tịch HĐQT và Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, các hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Công ty. Việc tham gia các khóa học, khảo sát, hội thảo của thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và người quản lý khác không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa BKS với Giám đốc

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng BKS hoặc Thành viên BKS tham dự các cuộc họp của Ban Giám đốc và các cuộc họp khác do Giám đốc chủ trì. Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một (01) bản cho BKS.

2. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng BKS và các thành viên BKS được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho BKS để trực tiếp theo dõi.

Điều 44. Các trường hợp Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

1. Yêu cầu triệu tập họp HĐQT

Trường hợp Giám đốc (hoặc thành viên BKS) phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, BKS (hoặc Giám đốc) và người quản lý khác, Giám đốc (hoặc BKS) phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ yêu cầu triệu tập họp HĐQT, đồng thời yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Giám đốc và BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT khi nhận thấy có sự kiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất của Công ty.

2. Giám đốc có thể xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình tại khoản 4 Điều 48 Điều lệ Công ty.

3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

CHƯƠNG VII. ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 45. Đánh giá hoạt động

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT và thành viên Ban Giám đốc.

3. BKS đánh giá hoạt động của Thành viên BKS được tổ chức thực hiện theo phương thức tự đánh giá.

4. Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác do Giám đốc thực hiện hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

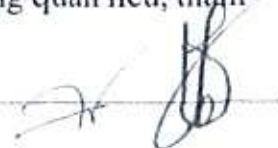
5. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển của đơn vị.

b) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy lao động, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.

c) Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, trình bày.

d) Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng đào tạo nhân viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.



e) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.

f) Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài đơn vị, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.

g) Mức độ tin nhiệm của nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.

Điều 46. Khen thưởng

1. HĐQT phối hợp cùng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng quy chế khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 45 của Quy chế này.

2. Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và người quản lý khác được đánh giá có thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 47. Kỷ luật

1. HĐQT/Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, BKS, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 48. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT có thể bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp

Điều 49. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người phụ trách quản trị Công ty

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

2. Phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Có năng lực quản trị;

4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

HDQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 50%) thành viên HDQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị Công ty mới thay thế.

1. Người phụ trách quản trị Công ty có thể được HDQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị HDQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- c) Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan nhà nước quản lý (Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán), trên trang thông tin điện tử của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX. CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

2. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Quy chế về quản trị Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HDQT soạn thảo, xây dựng và trình ĐHDCD Công ty xem xét, biểu quyết và thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 54. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 54 điều, được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Vận tải Newway thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy

Số: 364/TTr-HDQT

Hà nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Quản lý và Đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 365/2025/ND-CP về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 366/2025/ND-CP về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/ND-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/ND-CP;
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Công ty Cổ phần vận tải Newway (NWT) được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 06/5/2021 Ban hành theo Nghị Quyết đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần vận tải Newway ngày 6/5/2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty trên cơ sở bàn dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi, bổ sung trình bày tại Đại hội, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều lệ sửa đổi và quy định của pháp luật hiện hành.

Bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty sửa đổi, bổ sung trình bày tại Đại hội chi tiết kèm theo Tờ trình này. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 369/NQ-NWT- ĐHDCTD
ngày 21 tháng 4 năm 2026)*

Hà Nội, tháng 4 năm 2026



[Handwritten signature]

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	11
CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	12
CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	13
Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	15
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	16

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải Newway;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Vận tải Newway;
- Căn cứ Nghị quyết số 369/NQ-NWT- ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Newway;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.



2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên trong đó có 01 (một) Chủ tịch.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của công ty. Cụ thể như sau:



- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
 - c. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên tại không quá năm (05) công ty đại chúng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại Điều 21 của Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 8. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 21 của Quy chế quản trị nội bộ công ty, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;
- b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
- c. Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành biểu quyết bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều 20 Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết

thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 42 của Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Quyết định đầu tư hoặc thông qua chủ trương đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
2. Quyết định đầu tư dự án, bán tài sản có giá trị trên mức phân cấp của Giám đốc đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
3. Thông qua hợp đồng mua, thuê mua, thuê, cho thuê tài sản cố định, vay, cho vay và các hợp đồng, giao dịch khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có giá trị trên mức phân cấp đối với Giám đốc công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm g khoản 4 Điều 48, khoản 1 và khoản 3 Điều 60 của Điều lệ Công ty.
4. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 60 của Điều lệ Công ty.

Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

5. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực.
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đang có hiệu lực.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 44 Điều lệ công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị vẫn có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này.
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b. Báo cáo tài chính kiểm toán;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
4. Ngoài ra việc báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại khoản 5 Điều 5 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 49 Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
- a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
- c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
- d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Điều 42 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

- Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát được quy định tại Điều 41 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

- Bản Quy chế này gồm 7 chương 23 điều được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Newway nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại Công ty cổ phần Vận tải Newway và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
- Bản Quy chế này được lập thành hai bản có giá trị như nhau và lưu tại trụ sở chính của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật (hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thủy



Số: 365/TTr- HDQT

Hà nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
(Thông qua việc phân phối lợi nhuận, cô tức năm 2025)

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tài Newway

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận tài Newway;

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Hội đồng quản trị công ty trình Đại hội cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025 (ĐVT: VND)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	Đồng	8.451.247.056
2	Phân phối lợi nhuận năm 2025	Đồng	8.451.247.056
2,1	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LN sau thuế).</i>	<i>Đồng</i>	<i>845.000.000</i>
2,2	<i>Quỹ thưởng ban Quản lý điều hành Công ty</i>	<i>Đồng</i>	<i>304.000.000</i>
2,3	<i>Lợi nhuận để chia cô tức năm 2025</i>	<i>Đồng</i>	<i>7.302.247.056</i>
3	Lợi nhuận để lại từ các năm trước	Đồng	3.694.059.299
4	Tổng lợi nhuận đến hết năm 2025	Đồng	10.996.306.355
5	Đề nghị chia cô tức.	%	7
6	Tổng Cô tức- đề nghị chia năm 2025	Đồng	5.950.000.000
7	Lợi nhuận chuyển năm sau.	Đồng	5.046.306.355

Lợi nhuận lũy kế đến hết năm 2025 là 10.996.306.355 đồng (sau khi thực hiện phương án phân phối lợi nhuận), đề xuất chi trả cổ tức năm 2025 là 7% tương ứng là 5.950.000.000 đồng.

Số lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi chi trả cổ tức năm 2025 là 5.046.306.355 đồng sẽ được chuyển sang năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thuý

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Newway

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải Newway;

Để đảm bảo cho hoạt động của HĐQT và BKS trong việc triển khai nhiệm vụ được giao, căn cứ vào Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Vận tải Newway năm 2025 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2025 và xin đề xuất tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2026 như sau:

*** Tổng mức thù lao**

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao năm 2025	Đề xuất thù lao năm 2026
Hội đồng Quản trị	Theo nghị quyết ĐHCĐ 2025	192.000.000 đồng
Ban kiểm soát	Theo Nghị quyết ĐHCĐ 2025	96.000.000 đồng

Các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty.

*** Ngân sách hoạt động:**

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy



Số 367/ TTr-BKS

Hà nội, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần vận tải Newway
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Cổ phần vận tải Newway (NWT) được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 06/5/2021 Ban hành theo Nghị Quyết đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần vận tải Newway ngày 6/5/2021;

Kết thúc năm tài chính 2025, Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt nam đã tiến hành kiểm toán kết quả hoạt động SXKD của công ty năm 2025, được Công ty kiểm tra đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ.

Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- o Là công ty kiểm toán độc lập có uy tín, có giấy phép hoạt động hợp lệ tại Việt Nam;
- o Có kinh nghiệm kiểm toán các công ty niêm yết, công ty đại chúng;
- o Có đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của công ty;
- o Chi phí kiểm toán hợp lý

Qua quá trình tìm hiểu và xem xét năng lực của các công ty kiểm toán độc lập đã được Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026.

Để đảm bảo cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ. Hội đồng Quản trị giới thiệu và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty cho năm tài chính 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- DH ĐCD
- Lưu BKS, NS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Thanh Nhân

DỰ THẢO TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) nhiệm kỳ 2025-2030

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Newway

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào điều lệ Công ty Cổ phần vận tải Newway;
- Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Nguyễn Viết Hưng ngày 01/4/2026;
- Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Nguyễn Thị Thu Hà ngày 01/4/2026;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông nội dung sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1.1 Ông: Nguyễn Viết Hưng;

- Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị;
- Nhiệm kỳ: 2025-2030;

Lý do miễn nhiệm: theo nguyện vọng cá nhân.

1.2 Bà: Nguyễn Thị Thu Hà;

- Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị;
- Nhiệm kỳ: 2025-2030;

Lý do miễn nhiệm: theo nguyện vọng cá nhân.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

- Căn cứ luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần vận tải Newway.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Vận tải Newway được điều hành và thực hiện theo Quy chế làm việc và biểu quyết sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty (theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/03/2026) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Newway;
2. Các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (gọi chung là cổ đông) có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội;
3. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua;
4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự điều hành của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự;
5. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;
6. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội có 03 người gồm: 01 Chủ tọa và 02 thành viên do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông để Đại hội biểu quyết;
 - d. Điều hành giải đáp các vấn đề do cổ đông yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc



tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Thư ký Đại hội

1. Thư ký của Đại hội gồm: 01 người do Đoàn chủ tịch Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông và chuyển cho Đoàn Chủ tịch điều hành;
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm: 03 người và có sự hỗ trợ của Tổ chức Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông. Ban thẩm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông
 - a. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm thẩm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - b. Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội có 03 người gồm: 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Đoàn chủ tịch Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Đồng thời có sự hỗ trợ của Tổ chức Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - a. Điều hành hoạt động biểu quyết tại Đại hội; Xác định chính xác và thông báo trước Đại hội về kết quả biểu quyết các nội dung được thực hiện tại Đại hội;
 - b. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - c. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
 - d. Điều hành việc bầu cử tại Đại hội và công bố kết quả bầu cử.
 - e. Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu đối với hình thức bỏ phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
 - c. Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
 - d. Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:
 - a. Căn cứ theo nội dung yêu cầu giải đáp, Đoàn chủ tịch sẽ thực hiện giải đáp hoặc giới thiệu nhân sự phù hợp để giải đáp ý kiến của cổ đông;
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Nghị Quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 8. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo các quy định hiện hành.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải Newway thông qua.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Thủy

**QUY CHẾ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NEWWAY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vận Tải Newway.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Vận Tải Newway tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung theo các quy định sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện biểu quyết

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 24 tháng 03 năm 2026 của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam) dưới đây gọi là “Đại biểu”.

Điều 2: Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận biểu quyết thông qua bằng Phiếu biểu quyết.

Điều 3: Phiếu biểu quyết

Phiếu biểu quyết được Công ty Cổ phần Vận Tải Newway in và gửi trực tiếp cho Đại biểu hoặc người đại diện theo ủy quyền tại Đại hội. Mỗi Đại biểu hoặc người đại diện theo ủy quyền được cấp 01 phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi rõ Mã Đại biểu, họ tên, số phiếu biểu quyết của Đại biểu, các nội dung biểu quyết.

Điều 4: Cách thức biểu quyết

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn các phương án: Tán Thành, Không Tán Thành, Không có ý kiến cho từng nội dung trình bày tại đại hội, sau đó ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết. Trường hợp, đánh dấu sai thì đại biểu gạch bỏ đề ngang lên phần đánh dấu sai, ký lại vào bên phải lựa chọn đã sửa lại (không tẩy xóa, sửa chữa trên phần đánh dấu sai).

Nếu đại biểu bỏ phiếu trắng cho một hoặc một số nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết nội dung đó được coi là không hợp lệ. Trường hợp đại biểu đánh dấu từ 02 lựa chọn trở lên thì phần biểu quyết nội dung đó được coi là không hợp lệ.

Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra;
- Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Cổ đông;
- Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một Tờ trình Đại hội;



Sau khi điền xong Phiếu Biểu quyết, quý đại biểu vui lòng kiểm tra lại và bỏ phiếu vào hòm phiếu của chúng tôi

Điều 5: Ban kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Điều hành và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
 - + Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - + Điều hành việc bầu cử tại Đại hội và công bố kết quả bầu cử.
 - + Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - + Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm:
 - Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
 - Tổng số cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Số và tỉ lệ biểu quyết đối với từng Nội dung.

Điều 6: Khiếu nại

Những khiếu nại về việc kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 6 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.



Nguyễn Thủy